|  |  |
| --- | --- |
| **UỶ BAN NHÂN DÂN**  **TỈNH THANH HOÁ** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /TTr-UBND | *Thanh Hoá, ngày tháng năm 2024* |

“DỰ THẢO”

TỜ TRÌNH

**Về việc đề nghị ban hành Nghị quyết thông qua về số lượng xe ô tô bán tải, xe ô tô từ 12 - 16 chỗ ngồi phục vụ công tác chung của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Thanh Hóa, để thực hiện quy định tại khoản 5 Điều 8 Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26/9/2023 của Chính phủ**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18/6/2020;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm ngày 21/6/2017;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ; Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26/9/2023 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô;

Căn cứ Quyết định số 572/QĐ-HĐND ngày 15/8/2024 của Thường trực HĐND tỉnh về việc chấp thuận đề nghị xây dựng Nghị quyết thông qua số lượng xe ô tô bán tải, xe ô tô từ 12 - 16 chỗ ngồi phục vụ công tác chung của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Thanh Hóa, để thực hiện quy định tại khoản 5 Điều 8 Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26/9/2023 của Chính phủ;

Trên cơ sở tham mưu của Sở Tài chính tại Tờ trình số…/TTr-STC ngày…/8/2024, UBND tỉnh kính trình HĐND tỉnh xem xét, ban hành Nghị quyết thông qua về số lượng xe ô tô bán tải, xe ô tô từ 12 - 16 chỗ ngồi phục vụ công tác chung của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Thanh Hóa, để thực hiện quy định tại khoản 5 Điều 8 Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26/9/2023 của Chính phủ, với các nội dung như sau:

I. CƠ SỞ PHÁP LÝ, SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

## 1. Cơ sở pháp lý

Ngày 26/9/2023, Chính phủ ban hành Nghị định số 72/2023/NĐ-CP quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô, có hiệu lực thi hành từ ngày 10/11/2023, thay thế Nghị định 04/2019/NĐ-CP ngày 11/01/2019 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng ô tô.

Tại khoản 5 Điều 8 Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26/9/2023 của Chính phủ, quy định: *“Ngoài số xe ô tô đã được xác định theo quy định tại các Điều 9, 10, 11, và 12 Nghị định này, bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (sau khi có ý kiến thống nhất của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh) xem xét, quyết định số lượng xe ô tô bán tải, xe ô tô từ 12 - 16 chỗ ngồi phục vụ công tác chung cho các cơ quan, đơn vị được giao thực hiện nhiệm vụ kiểm lâm, phòng chống cháy rừng, phòng chống dịch bệnh trong nông nghiệp, tuần tra biên giới, phục vụ người có công, bảo trợ xã hội, phân giới cắm mốc, điều tra cơ bản địa chất và khoáng sản, quan trắc phân tích mẫu môi trường thuộc phạm vi quản lý của bộ, cơ quan trung ương, địa phương đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả”.*

Tại khoản 1 Điều 27 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, quy định: “*HĐND cấp tỉnh ban hành Nghị quyết để quy định chi tiết điều, khoản, điểm được giao trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên”.*

Các quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền quy định chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh hoạt động trong các lĩnh vực nêutrên.

**2. Cơ sở thực tiễn**

Từ năm 2019 đến nay tỉnh Thanh Hóa thực hiện trang bị xe ô tô cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị của tỉnh theo tiêu chuẩn, định mức quy định tại Nghị định số 04/2019/NĐ-CP ngày 11/01/2019 của Chính phủ và các văn bản của UBND tỉnh ban hành theo thẩm quyền được phân cấp; gồm: Quyết định số 2316/QĐ-UBND ngày 19/6/2020 quy định tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên trang bị cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Thanh Hóa, Quyết định số 1770/QĐ-UBND ngày 27/5/2021 quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng trong lĩnh vực y tế cho các cơ quan, đơn vị sự nghiệp y tế thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Thanh Hóa, Quyết định số 2565/QĐ-UBND ngày 14/7/2021 bổ sung tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng trang bị cho một số cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa. Thời gian qua, các cơ quan, tổ chức, đơn vị của tỉnh đã thực hiện mua sắm mới, sắp xếp, điều chuyển, quản lý xe đảm bảo theo quy định nêu trên, đạt hiệu quả, cơ bản phục vụ nhiệm vụ của các cơ quan, tổ chức, đơn vị.

Thực hiện quy định tại điểm b, khoản 6 Điều 8 Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26/9/2023 của Chính phủ; Kết luận số 2748-KL/TU ngày 20/5/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 15/2024/QĐ-UBND ngày 24/5/2024 về việc quy định số lượng, chủng loại xe ô tô phục vụ công tác chung của Văn phòng cấp tỉnh (Văn phòng Tỉnh ủy, Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh); sở, ban, ngành và tương đương cấp tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh; đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh Thanh Hóa.

Ngoài các cơ quan, tổ chức, đơn vị của tỉnh được quy định số lượng, chủng 3 loại xe ô tô phục vụ công tác chung tại Quyết định số 15/2024/QĐ-UBND ngày 24/5/2024 của UBND tỉnh, theo quy định tại khoản 5 Điều 8 Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26/9/2023 của Chính phủ thì các cơ quan, đơn vị khác của tỉnh *(được giao thực hiện nhiệm vụ kiểm lâm, phòng chống cháy rừng, phòng chống dịch bệnh trong nông nghiệp, tuần tra biên giới, phục vụ người có công, bảo trợ xã hội, phân giới cắm mốc, điều tra cơ bản địa chất và khoáng sản, quan trắc phân tích mẫu môi trường)* cũng được phép trang bị xe ô tô phục vụ công tác chung (chủng loại: xe bán tải, xe từ 12 - 16 chỗ ngồi), do UBND tỉnh ban hành số lượng (định mức sử dụng tối đa), sau khi có ý kiến thống nhất của HĐND tỉnh.

Từ cơ sở pháp lý và thực tiễn nêu trên, việc trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết thông qua, làm căn cứ cho UBND tỉnh ban hành quy định về số lượng xe ô tô bán tải, xe ô tô từ 12-16 chỗ ngồi phục vụ công tác chung của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Thanh Hóa, để thực hiện quy định tại khoản 5 Điều 8 Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26/9/2023 của Chính phủ, là phù hợp với quy định và cần thiết.

# II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

**1. Mục đích**

Ban hành quy định về số lượng (định mức sử dụng tối đa) xe ô tô bán tải, xe ô tô từ 12 - 16 chỗ ngồi phục vụ công tác chung của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Thanh Hóa, để thực hiện quy định tại khoản 5 Điều 8 Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26/9/2023 của Chính phủ, phù hợp với nhiệm vụ của từng cơ quan, đơn vị và điều kiện thực tế của tỉnh; là căn cứ cho các cơ quan, đơn vị đề xuất tiếp nhận, điều chuyển, mua sắm xe; là cơ sở để cơ quan, người có thẩm quyền quyết định giao, điều chuyển, mua sắm xe phù hợp với nhu cầu sử dụng xe ô tô thực tế để thực hiện nhiệm vụ, nguồn hình thành tài sản của cơ quan, đơn vị, khả năng cân đối nguồn kinh phí thực hiện mua sắm, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả.

**2. Quan điểm xây dựng Nghị quyết**

a) Thực hiện đảm bảo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017; Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26/9/2023 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô.

b) Phù hợp với đặc điểm, tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh Thanh Hóa; chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan, đơn vị được trang bị xe ô tô phục vụ công tác chung.

c) Phù hợp khả năng cân đối, bố trí nguồn ngân sách nhà nước và các nguồn hợp pháp khác để thực hiện mua sắm xe ô tô; sử dụng kinh phí mua sắm tiết kiệm, hiệu quả, theo đúng quy định của pháp luật.

**III. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG VÀ NGUYÊN TẮC ÁP DỤNG**

**1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy định số lượng xe ô tô bán tải, xe ô tô từ 12-16 chỗ ngồi phục vụ công tác chung của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Thanh Hóa, để thực hiện quy định tại khoản 5 Điều 8 Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26/9/2023 của Chính phủ.

**2. Đối tượng áp dụng**

Các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Thanh Hóa được giao thực hiện nhiệm vụ kiểm lâm, phòng chống cháy rừng, phòng chống dịch bệnh trong nông nghiệp, tuần tra biên giới, phục vụ người có công, bảo trợ xã hội, phân giới cắm mốc, điều tra cơ bản địa chất và khoáng sản, quan trắc phân tích mẫu môi trường (*theo đối tượng quy định tại khoản 5 Điều 8 Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26/9/2023 của Chính phủ*).

**3. Nguyên tắc áp dụng**

a) Chủng loại xe: Thực hiện theo chủng loại xe đã được quy định tại khoản 5 Điều 8 Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26/9/2023 của Chính phủ, gồm: xe ô tô bán tải, xe ô tô từ 12-16 chỗ ngồi.

b) Số lượng xe: Căn cứ ý kiến của HĐND tỉnh, UBND tỉnh ban hành định mức sử dụng (số lượng) tối đa xe ô tô bán tải, xe ô tô từ 12-16 chỗ ngồi cho từng cơ quan, đơn vị của tỉnh; là căn cứ cho các cơ quan, đơn vị đề xuất tiếp nhận, điều chuyển, mua sắm xe; là cơ sở để cơ quan, người có thẩm quyền quyết định giao, điều chuyển, mua sắm xe phù hợp với nhu cầu sử dụng xe ô tô thực tế để thực hiện nhiệm vụ, nguồn hình thành tài sản của cơ quan, đơn vị, khả năng cân đối nguồn kinh phí thực hiện mua sắm, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả.

c) Mức giá mua xe: Thực hiện giá tối đa mua xe ô tô phục vụ công tác chung quy định tại khoản 1 Điều 15 Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26/9/2023 của Chính phủ.

**IV. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT**

1. Ủy ban nhân dân tỉnh đã có Tờ trình số 165/TTr-UBND ngày 05 tháng 8 năm 2024 trình Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh chấp thuận nhiệm vụ xây dựng Nghị quyết thông qua về số lượng xe ô tô bán tải, xe ô tô từ 12 - 16 chỗ ngồi phục vụ công tác chung của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Thanh Hóa, để thực hiện quy định tại khoản 5 Điều 8 Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26/9/2023 của Chính phủ. Ngày 15 tháng 8 năm 2024, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh có Quyết định số 572/QĐ-HĐND chấp thuận đề nghị xây dựng Nghị quyết nêu trên.

2. Căn cứ các quy định của pháp luật và tình hình thực tế, Sở Tài chính đã chủ trì, phối hợp với các ngành, đơn vị liên quan, xây dựng dự thảo Nghị quyết thông qua số lượng xe ô tô bán tải, xe ô tô từ 12 - 16 chỗ ngồi phục vụ công tác chung của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Thanh Hóa, để thực hiện quy định tại khoản 5 Điều 8 Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26/9/2023 của Chính phủ, gửi Sở Tư pháp để thẩm định.

3. Ngày....tháng....năm 2024, Sở Tư pháp có Báo cáo thẩm định số .... gửi Sở Tài chính, với ý kiến dự thảo Nghị quyết nêu trên đủ điều kiện trình Hội đồng nhân dân tỉnh sau khi tiếp thu, giải trình đầy đủ các ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp.

4. Sở Tài chính đã tiếp thu, giải trình các ý kiến của Sở Tư pháp và các đơn vị có liên quan, hoàn thiện và có Tờ trình số /TTr-STC ngày...tháng...năm 2024 đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết Nghị quyết thông qua số lượng xe ô tô bán tải, xe ô tô từ 12 - 16 chỗ ngồi phục vụ công tác chung của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Thanh Hóa, để thực hiện quy định tại khoản 5 Điều 8 Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26/9/2023 của Chính phủ

**IV. BỐ CỤC CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT**

Dự thảo Nghị quyết gồm 03 điều, cụ thể như sau:

Điều 1: Thông qua về số lượng xe ô tô bán tải, xe ô tô từ 12 - 16 chỗ ngồi phục vụ công tác chung của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Thanh Hóa, để thực hiện quy định tại khoản 5 Điều 8 Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26/9/2023 của Chính phủ.

Điều 2: Tổ chức thực hiện

Điều 3: Hiệu lực thi hành.

**V. NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT**

**1. Thông qua số lượng (định mức sử dụng tối đa) xe ô tô bán tải, xe ô tô từ 12 - 16 chỗ ngồi phục vụ công tác chung của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Thanh Hóa được giao thực hiện nhiệm vụ kiểm lâm, phòng chống cháy rừng, phòng chống dịch bệnh trong nông nghiệp, tuần tra biên giới, phục vụ người có công, bảo trợ xã hội, phân giới cắm mốc, điều tra cơ bản địa chất và khoáng sản, quan trắc phân tích mẫu môi trường, để thực hiện quy định tại khoản 5 Điều 8 Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26/9/2023 của Chính phủ.**

Trong đó, số lượng (định mức sử dụng tối đa), theo từng lĩnh vực, cơ quan, đơn vị và chủng loại xe như sau:

- Số lượng xe ô tô bán tải để thực hiện nhiệm vụ kiểm lâm, phòng chống cháy rừng, phòng chống dịch bệnh trong nông nghiệp, phân giới cắm mốc của 46 cơ quan, đơn vị thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là 52 xe.

- Số lượng xe ô tô bán tải để thực hiện nhiệm vụ phòng chống dịch bệnh trong nông nghiệp của 27 trung tâm dịch vụ nông nghiệp trực thuộc huyện, thị xã, thành phố là 27 xe. Riêng thành phố Thanh Hóa và thành phố Sầm Sơn có 01 xe ô tô bán tải/đơn vị để phục vụ nhiệm vụ phòng chống cháy rừng.

- Số lượng xe ô tô bán tải để thực hiện nhiệm vụ điều tra cơ bản địa chất và khoáng sản, quan trắc giám sát môi trường của 02 cơ quan, đơn vị thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường là 02 xe.

- Số lượng xe ô tô 16 chỗ ngồi để thực hiện nhiệm vụ phục vụ người có công, bảo trợ xã hội của 08 cơ quan, đơn vị thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội là 08 xe.

**2. Tổ chức thực hiện**

a) Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ Nghị quyết này và các quy định hiện hành của pháp luật để tổ chức triển khai thực hiện.

b) Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

c) Trong quá trình tổ chức thực hiện, khi các văn bản dẫn chiếu để áp dụng tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

*(Có dự thảo Nghị quyết và tài liệu liên quan gửi kèm theo)*

Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Như trên;  - Thường trực Tỉnh ủy (để b/c);  - Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;  - Các Ủy viên UBND tỉnh;  - CVP, các PCVP UBND tỉnh;  - Ban Kinh tế Ngân sách HĐND tỉnh;  - Sở Tài chính;  - Lưu: VT, KTTC. (thht) | **TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  **KT. CHỦ TỊCH**  **PHÓ CHỦ TỊCH**  **Nguyễn Văn Thi** |

|  |  |
| --- | --- |
| **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN**  **TỈNH THANH HÓA**  Số: /NQ-HĐND | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  ­  *Thanh Hóa, ngày tháng năm 2024* |

**NGHỊ QUYẾT**

**Thông qua số lượng xe ô tô bán tải, xe ô tô từ 12 - 16 chỗ ngồi phục vụ**

**công tác chung của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của**

**tỉnh Thanh Hóa, để thực hiện quy định tại khoản 5 Điều 8**

**Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26/9/2023 của Chính phủ**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA**

**KHOÁ XVIII, KỲ HỌP THỨ…**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;*

*Căn cứ Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26 tháng 9 năm 2023 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô;*

*Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày …. tháng …. năm 2024 của UBND tỉnh về đề nghị ban hành Nghị quyết thông qua về số lượng xe ô tô bán tải, xe ô tô từ 12 - 16 chỗ ngồi phục vụ công tác chung của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Thanh Hóa, để thực hiện quy định tại khoản 5 Điều 8 Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26/9/2023 của Chính phủ; Báo cáo thẩm tra số /BC-KTNS ngày… tháng ….năm 2024 của Ban Kinh tế ngân sách HĐND tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu HĐND tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Thông qua số lượng xe ô tô bán tải, xe ô tô từ 12 - 16 chỗ ngồi phục vụ công tác chung của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Thanh Hóa, để thực hiện quy định tại khoản 5 Điều 8 Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26/9/2023 của Chính phủ, cụ thể:

- Số lượng xe ô tô bán tải để thực hiện nhiệm vụ kiểm lâm, phòng chống cháy rừng, phòng chống dịch bệnh trong nông nghiệp, phân giới cắm mốc của 46 cơ quan, đơn vị thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là 52 xe.

- Số lượng xe ô tô bán tải để thực hiện nhiệm vụ phòng chống dịch bệnh trong nông nghiệp của 27 trung tâm dịch vụ nông nghiệp trực thuộc huyện, thị xã, thành phố là 27 xe. Riêng thành phố Thanh Hóa và thành phố Sầm Sơn có 01 xe ô tô bán tải/đơn vị để phục vụ nhiệm vụ phòng chống cháy rừng.

- Số lượng xe ô tô bán tải để thực hiện nhiệm vụ điều tra cơ bản địa chất và khoáng sản, quan trắc phân tích mẫu môi trường của 02 cơ quan, đơn vị thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường là 02 xe.

- Số lượng xe ô tô 16 chỗ ngồi để thực hiện nhiệm vụ phục vụ người có công, bảo trợ xã hội của 08 cơ quan, đơn vị thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội là 08 xe.

*(có 01 Phụ lục chi tiết kèm theo)*

**Điều 2.** Tổ chức thực hiện.

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ Nghị quyết này và các quy định hiện hành của pháp luật để tổ chức triển khai thực hiện.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

3. Trong quá trình tổ chức thực hiện, khi các văn bản dẫn chiếu để áp dụng tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

**Điều 3.** Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa khóa XVIII, kỳ họp thứ ... thông qua ngày ... tháng ... năm 2024 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ... tháng ... năm 2024./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;  - Văn phòng: Quốc hội, Chính phủ;  - Bộ Tài chính;  - Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;  - Thường trực: Tỉnh uỷ, HĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh;  - Đoàn Đại biểu Quốc hội, các đại biểu HĐND tỉnh;  - Các sở, ban, ngành, đoàn thể, đơn vị cấp tỉnh;  - HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;  - Cổng Thông tin điện tử tỉnh, Công báo tỉnh;  - Báo Thanh Hóa, Đài PTTH Thanh Hóa;  - Lưu: VT. | **CHỦ TỊCH**  **Đỗ Trọng Hưng** |

**Phụ lục**

**SỐ LƯỢNG XE Ô TÔ BÁN TẢI, XE Ô TÔ TỪ 12 - 16 CHỖ NGỒI PHỤC VỤ CÔNG TÁC CHUNG CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA TỈNH THANH HÓA, ĐỂ THỰC HIỆN QUY ĐỊNH TẠI KHOẢN 5 ĐIỀU 8 NGHỊ ĐỊNH SỐ 72/2023/NĐ-CP NGÀY 26/9/2023 CỦA CHÍNH PHỦ**

*(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày / /2024 của HĐND tỉnh)*

| **STT** | **Đơn vị sử dụng** | **Chủng loại xe ô tô theo quy định tại khoản 5 Điều 8 Nghị định số 72/2023/NĐ-CP** | **Số lượng tối đa** | **Nhiệm vụ thực hiện** | **Cơ sở đề xuất**  **(theo nhiệm vụ giao tại)** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Tổng cộng (A+B)** |  | **91** |  |  |
| **A** | **CẤP TỈNH** |  | **62** |  |  |
| **I** | **Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn** |  | **52** |  |  |
| **1** | **Sở Nông nghiệp và PTNT (Văn phòng Sở)** | Xe ô tô bán tải | 1 | Kiểm lâm, phòng chống cháy rừng, phòng chống dịch bệnh trong nông nghiệp | khoản 4, khoản 5, khoản 6, Điều 2 Quyết định số 33/2023/QĐ-UBND ngày 22/8/2023 của UBND tỉnh |
| **2** | **Chi cục Thủy lợi** | Xe ô tô bán tải | 1 | Thực hiện nhiệm vụ cắm mốc chỉ giới trên địa bàn tỉnh | Điểm d, mục 2.7, khoản 2, Điều 1 Quyết định số 3051/QĐ-UBND ngày 30/7/2019 của của Chủ tịch UBND tỉnh |
| **3** | **Chi cục Kiểm lâm** |  |  |  |  |
| 3.1 | Cơ quan Chi cục Kiểm lâm | Xe ô tô bán tải | 3 | Thực hiện nhiệm vụ kiểm lâm, phòng chống cháy rừng | Điểm c, mục 2.6, khoản 2, Điều 1 Quyết định 3049/QĐ-UBND ngày 30/7/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh |
| 3.2 | Đội kiểm lâm cơ động và PCCR số 1 |  |  |  |  |
|  | Tổ số 1 | Xe ô tô bán tải | 1 | Thực hiện nhiệm vụ kiểm lâm,  phòng chống cháy rừng | Điểm 2, mục I và điểm 2, mục II Quyết định 676/QĐ-SNN&PTNT ngày 26/9/2019 của Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT |
|  | Tổ số 2 | Xe ô tô bán tải | 1 | Thực hiện nhiệm vụ kiểm lâm,  phòng chống cháy rừng | Điểm 2, mục I và điểm 2, mục II Quyết định 676/QĐ-SNN&PTNT ngày 26/9/2019 của Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT |
|  | Tổ số 3 | Xe ô tô bán tải | 1 | Thực hiện nhiệm vụ kiểm lâm,  phòng chống cháy rừng | Điểm 2, mục I và điểm 2, mục II Quyết định 676/QĐ-SNN&PTNT ngày 26/9/2019 của Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT |
| 3.3 | Đội kiểm lâm cơ động và PCCR số 2 |  |  |  |  |
|  | Tổ số 1 | Xe ô tô bán tải | 1 | Thực hiện nhiệm vụ kiểm lâm,  phòng chống cháy rừng | Điểm 2, mục I và điểm 2, mục II Quyết định 676/QĐ-SNN&PTNT ngày 26/9/2019 của Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT |
|  | Tổ số 2 | Xe ô tô bán tải | 1 | Thực hiện nhiệm vụ kiểm lâm,  phòng chống cháy rừng | Điểm 2, mục I và điểm 2, mục II Quyết định 676/QĐ-SNN&PTNT ngày 26/9/2019 của Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT |
|  | Tổ số 3 | Xe ô tô bán tải | 1 | Thực hiện nhiệm vụ kiểm lâm,  phòng chống cháy rừng | Điểm 2, mục I và điểm 2, mục II Quyết định 676/QĐ-SNN&PTNT ngày 26/9/2019 của Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT |
| 3.4 | Hạt Kiểm lâm thành phố Thanh Hóa | Xe ô tô bán tải | 1 | Thực hiện nhiệm vụ kiểm lâm,  phòng chống cháy rừng | Điểm 2, mục I và điểm 2, mục II Quyết định 676/QĐ-SNN&PTNT ngày 26/9/2019 của Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT |
| 3.5 | Hạt Kiểm lâm Mường Lát | Xe ô tô bán tải | 1 | Thực hiện nhiệm vụ kiểm lâm,  phòng chống cháy rừng | Điểm 2, mục I và điểm 2, mục II Quyết định 676/QĐ-SNN&PTNT ngày 26/9/2019 của Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT |
| 3.6 | Hạt Kiểm lâm Quan Sơn | Xe ô tô bán tải | 1 | Thực hiện nhiệm vụ kiểm lâm, phòng chống cháy rừng | Điểm 2, mục I và điểm 2, mục II Quyết định 676/QĐ-SNN&PTNT ngày 26/9/2019 của Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT |
| 3.7 | Hạt Kiểm lâmQuan Hóa | Xe ô tô bán tải | 1 | Thực hiện nhiệm vụ kiểm lâm, phòng chống cháy rừng | Điểm 2, mục I và điểm 2, mục II Quyết định 676/QĐ-SNN&PTNT ngày 26/9/2019 của Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT |
| 3.8 | Hạt Kiểm lâm Bá Thước | Xe ô tô bán tải | 1 | Thực hiện nhiệm vụ kiểm lâm, phòng chống cháy rừng | Điểm 2, mục I và điểm 2, mục II Quyết định 676/QĐ-SNN&PTNT ngày 26/9/2019 của Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT |
| 3.9 | Hạt Kiểm lâm Lang Chánh | Xe ô tô bán tải | 1 | Thực hiện nhiệm vụ kiểm lâm, phòng chống cháy rừng | Điểm 2, mục I và điểm 2, mục II Quyết định 676/QĐ-SNN&PTNT ngày 26/9/2019 của Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT |
| 3.10 | Hạt Kiểm lâm Ngọc Lặc | Xe ô tô bán tải | 1 | Thực hiện nhiệm vụ kiểm lâm, phòng chống cháy rừng | Điểm 2, mục I và điểm 2, mục II Quyết định 676/QĐ-SNN&PTNT ngày 26/9/2019 của Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT |
| 3.11 | Hạt Kiểm lâm Thạch Thành | Xe ô tô bán tải | 1 | Thực hiện nhiệm vụ kiểm lâm, phòng chống cháy rừng | Điểm 2, mục I và điểm 2, mục II Quyết định 676/QĐ-SNN&PTNT ngày 26/9/2019 của Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT |
| 3.12 | Hạt Kiểm lâm Cẩm Thủy | Xe ô tô bán tải | 1 | Thực hiện nhiệm vụ kiểm lâm, phòng chống cháy rừng | Điểm 2, mục I và điểm 2, mục II Quyết định 676/QĐ-SNN&PTNT ngày 26/9/2019 của Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT |
| 3.13 | Hạt Kiểm lâm Thường Xuân | Xe ô tô bán tải | 1 | Thực hiện nhiệm vụ kiểm lâm, phòng chống cháy rừng | Điểm 2, mục I và điểm 2, mục II Quyết định 676/QĐ-SNN&PTNT ngày 26/9/2019 của Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT |
| 3.14 | Hạt Kiểm lâmThọ Xuân | Xe ô tô bán tải | 1 | Thực hiện nhiệm vụ kiểm lâm, phòng chống cháy rừng | Điểm 2, mục I và điểm 2, mục II Quyết định 676/QĐ-SNN&PTNT ngày 26/9/2019 của Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT |
| 3.15 | Hạt Kiểm lâm Như Xuân | Xe ô tô bán tải | 1 | Thực hiện nhiệm vụ kiểm lâm, phòng chống cháy rừng | Điểm 2, mục I và điểm 2, mục II Quyết định 676/QĐ-SNN&PTNT ngày 26/9/2019 của Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT |
| 3.16 | Hạt Kiểm lâm Như Thanh | Xe ô tô bán tải | 1 | Thực hiện nhiệm vụ kiểm lâm, phòng chống cháy rừng | Điểm 2, mục I và điểm 2, mục II Quyết định 676/QĐ-SNN&PTNT ngày 26/9/2019 của Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT |
| 3.17 | Hạt Kiểm lâm Nông Cống | Xe ô tô bán tải | 1 | Thực hiện nhiệm vụ kiểm lâm, phòng chống cháy rừng | Điểm 2, mục I và điểm 2, mục II Quyết định 676/QĐ-SNN&PTNT ngày 26/9/2019 của Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT |
| 3.18 | Hạt Kiểm lâm Hà Trung | Xe ô tô bán tải | 1 | Thực hiện nhiệm vụ kiểm lâm, phòng chống cháy rừng | Điểm 2, mục I và điểm 2, mục II Quyết định 676/QĐ-SNN&PTNT ngày 26/9/2019 của Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT |
| 3.19 | Hạt Kiểm lâm Tĩnh Gia | Xe ô tô bán tải | 1 | Thực hiện nhiệm vụ kiểm lâm, phòng chống cháy rừng | Điểm 2, mục I và điểm 2, mục II Quyết định 676/QĐ-SNN&PTNT ngày 26/9/2019 của Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT |
| 3.20 | Hạt Kiểm lâm Ven Biển | Xe ô tô bán tải | 1 | Thực hiện nhiệm vụ kiểm lâm, phòng chống cháy rừng | Điểm 2, mục I và điểm 2, mục II Quyết định 676/QĐ-SNN&PTNT ngày 26/9/2019 của Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT |
| 4 | Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản | Xe ô tô bán tải | 1 | Vận chuyển thiết bị kiểm tra; thiết bị, dụng cụ lấy mẫu quan trắc, phân tích môi trường trong hoạt động sản xuất nông lâm thủy sản; bảo quản, vận chuyển mẫu thực phẩm theo quy định của Luật ATTP năm 2010 | Điểm c, khoản 7, điều 2 và điểm g, khoản 2, Điều 3 Thông tư số 30/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ Nông nghiệp và PTNT; khoản 3, điều 49, luật ATTP số 55/2010/QH12 |
| 5 | Chi cục Chăn nuôi và Thú y |  |  |  |  |
|  |  | Xe ô tô bán tải | 1 | Thực hiện nhiệm vụ phòng  chống dịch bệnh trong nông nghiệp | Mục 2.8, điều 1 của Quyết định số 3050/QĐ-UBND ngày 30/7/2019 của UBND tỉnh |
|  |  | Xe ô tô bán tải | 1 | Thực hiện nhiệm vụ phòng  chống dịch bệnh trong nông nghiệp |
| 6 | Chi cục Thủy sản | Xe ô tô bán tải | 1 | Thực hiện nhiệm vụ phòng  chống dịch bệnh trong nông nghiệp | Điểm e, mục 2.8, khoản 2, điều 1, Quyết định số 3052/QĐ-UBND ngày 30/7/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh |
| 7 | Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật | Xe ô tô bán tải | 1 | Thực hiện nhiệm vụ phòng  chống dịch bệnh trong nông nghiệp | Điểm b, Khoản 2.8, Điều 1 Quyết định số 3053/QĐ-UBND ngày 30/07/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh |
| 8 | Chi cục Phát triển nông thôn | Xe ô tô bán tải | 1 | Phối hợp thực hiện nhiệm vụ về phòng chống dịch bệnh trong nông nghiệp | Quyết định số 3054/QĐ-UBND ngày 30/07/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh |
| 9 | Ban Quản lý rừng phòng hộ Lang Chánh | Xe ô tô bán tải | 1 | Thực hiện nhiệm vụ  phòng chống cháy rừng | Mục đ, khoản 2,1 điều 1 Quyết định số 267/QĐ-UBND ngày 16/01/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh |
| 10 | Ban Quản lý rừng phòng hộ Quan Sơn | Xe ô tô bán tải | 1 | Thực hiện nhiệm vụ  phòng chống cháy rừng | Điểm đ, mục 2.1, khoản 2, Điều 1 Quyết định số 3057/QĐ-UBND ngày 30/7/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh |
| 11 | Ban Quản lý rừng phòng hộ Như Thanh | Xe ô tô bán tải | 1 | Thực hiện nhiệm vụ  phòng chống cháy rừng | Điểm đ, mục 2.1, khoản 2, Điều 1 Quyết định số 3056/QĐ-UBND ngày 30/7/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh |
| 12 | Ban Quản lý rừng phòng hộ Thường Xuân | Xe ô tô bán tải | 1 | Thực hiện nhiệm vụ  phòng chống cháy rừng | Điểm đ, mục 2.1, khoản 2, Điều 1 Quyết định số 3058/QĐ-UBND ngày 30/7/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh |
| 13 | Ban Quản lý rừng phòng hộ Sông Chàng | Xe ô tô bán tải | 1 | Thực hiện nhiệm vụ  phòng chống cháy rừng | Điểm đ, mục 2.1, khoản 2, Điều 1 Quyết định số 264/QĐ-UBND ngày 16/01/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh |
| 14 | Ban Quản lý rừng phòng hộ rừng Phòng hộ Nghi Sơn | Xe ô tô bán tải | 1 | Thực hiện nhiệm vụ  phòng chống cháy rừng | Điểm đ, mục 2.1, khoản 2, Điều 1 Quyết định số 265/QĐ-UBND ngày 16/01/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh |
| 15 | Ban Quản lý rừng phòng hộ Mường Lát | Xe ô tô bán tải | 1 | Thực hiện nhiệm vụ  phòng chống cháy rừng | Điểm đ, mục 2.1, khoản 2, Điều 1 Quyết định số 266/QĐ-UBND ngày 16/01/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh |
| 16 | Ban Quản lý rừng phòng Thạch Thành | Xe ô tô bán tải | 1 | Thực hiện nhiệm vụ  phòng chống cháy rừng | Điểm đ, mục 2.1, khoản 2, Điều 1 Quyết định số 263/QĐ-UBND ngày 16/01/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh |
| 17 | Ban Quản lý khu bảo tồn thiên nhiên Pù Luông | Xe ô tô bán tải | 1 | Thực hiện nhiệm vụ kiểm lâm, phòng chống cháy rừng | Mục b, Khoản 2 Điều 2 của Quyết định số 1396/QĐ-UBND ngày 03/5/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh |
| 18 | Ban Quản lý khu bảo tồn thiên nhiên Pù Hu | Xe ô tô bán tải | 1 | Thực hiện nhiệm vụ kiểm lâm, phòng chống cháy rừng | Mục b, Khoản 2 Điều 2 của Quyết định số 1395/QĐ-UBND ngày 03/5//2013 của Chủ tịch UBND tỉnh |
| 19 | Ban Quản lý khu bảo tồn thiên nhiên Xuân Liên | Xe ô tô bán tải | 1 | Thực hiện nhiệm vụ kiểm lâm, phòng chống cháy rừng | Mục b, Khoản 2 Điều 2 của Quyết định số 1400/QĐ-UBND ngày 02/5//2013 của Chủ tịch UBND tỉnh |
| 20 | Ban Quản lý Vườn quốc gia Bến En | Xe ô tô bán tải | 1 | Thực hiện nhiệm vụ kiểm lâm, phòng chống cháy rừng | Mục b, Khoản 2 Điều 2 của Quyết định số 1401/QĐ-UBND ngày 03/5//2013 của Chủ tịch UBND tỉnh |
| 21 | Trung tâm nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn | Xe ô tô bán tải | 1 | Thực hiện nhiệm vụ quan trắc phân tích mẫu môi trường, nước | Khoản 5, 11, 13 Điều 2 Quyết định số 4966/QĐ-UBND ngày 26/12/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh |
| 22 | Trung tâm khuyến nông | Xe ô tô bán tải | 1 | Phối hợp thực hiện nhiệm  vụ về phòng chống dịch bệnh trong nông nghiệp | Mục 12, Điều 8 về nhiệm vụ của Trung tâm Khuyến nông tỉnh tại Thông 15/2015/TT-BNNPTNT ngày 26/3/2015: Phối hợp với các tổ chức trực thuộc Sở NN và PTNT trong công tác phòng, chống dịch bệnh, thiên tai tại địa phương |
| 23 | Ban quản lý Quỹ Bảo vệ, phát triển rừng và Phòng, chống thiên tai tỉnh Thanh Hóa | Xe ô tô bán tải | 1 | Thực hiện nhiệm vụ: Phục vụ cho công tác phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai | Điểm a khoản 2 Điều 2 Quyết định số 215/QĐ-UBND ngày 18/01/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh |
| 24 | Ban quản lý cảng cá Thah Hóa | Xe ô tô bán tải | 1 | Phối hợp thực hiện nhiệm vụ về phòng chống dịch bệnh trong nông nghiệp | Quyết định 989/QĐ-UBND ngày 27/03/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh |
| 25 | Ban quản lý dự án hiện đại hóa ngành lâm nghiệp và tăng cường tính chống chịu vùng ven biển | Xe ô tô bán tải | 1 | Phục vụ hoạt động của dự án Hiện đại hóa ngành lâm nghiệp và tăng cường tính chống chịu ven biển | Hợp phần 4 Báo cáo nghiên cứu khả thi điều chỉnh |
| 26 | Trung tâm Kiểm nghiệm và Chứng nhận chất lượng nông, lâm, thủy sản | Xe ô tô bán tải | 1 | Phối hợp thực hiện nhiệm vụ về phòng chống dịch bệnh trong nông nghiệp | Quyết định số 2845/QĐ-UBND ngày 30/8/2011 của Chủ tịch UBND tỉnh |
| **II** | **Sở Tài nguyên và Môi trường** |  | **2** |  |  |
| 1 | Đoàn Mỏ - Địa chất | Xe ô tô bán tải | 1 | Phụ vụ điều tra cơ bản địa chất và khoáng sản | Quyết định số 1599/QĐ-UBND ngày 28/5/2009 Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa |
| 2 | Trung tâm Quan trắc và Bảo vệ môi trường | Xe ô tô bán tải | 1 | Phục vụ thực hiện nhiệm vụ quan trắc, giám sát môi trường thuộc phạm vi quản lý của địa phương | Quyết định số 3092/QĐ-UBND ngày 30/10/2006 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hoá. |
| **III** | **Sở Lao động - Thương binh và Xã Hội** |  | **8** |  |  |
| 1 | Trung tâm điều dưỡng người có công Thanh Hóa | Xe ô tô 16 chỗ | 1 | Phục vụ đưa, đón điều dưỡng người có công | Quyết định số 2038/QĐ-UBND ngày 10/7/2008 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa |
| 2 | Trung tâm bảo trợ xã hội Thanh Hóa | Xe ô tô 16 chỗ | 1 | Phục vụ đưa, đón đối tượng bảo trợ xã hội đang được nuôi dưỡng tập trung | Quyết định số 367-TCDC/UBTH ngày 26/02/1964 của UBHC tỉnh Thanh Hoá |
| 3 | Trung tâm bảo trợ xã hội số 2 Thanh Hóa | Xe ô tô 16 chỗ | 1 | Phục vụ đưa, đón đối tượng bảo trợ xã hội đang được nuôi dưỡng tập trung | Quyết định số 2089/QĐ-UBND ngày 26/12/1990 của UBND tỉnh Thanh Hóa |
| 4 | Cơ sở Cai nghiện ma túy số 1 Thanh Hóa | Xe ô tô 16 chỗ | 1 | Phục vụ đưa, đón học viên cai nghiện | Quyết định số 3458/QĐ-UBND ngày 09/9/2016 của UBND tỉnh Thanh Hóa |
| 5 | Trung tâm cung cấp dịch vụ công tác xã hội Thanh Hóa | Xe ô tô 16 chỗ | 1 | Phục vụ công tác xã hội | Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 6/3/2012 của UBND tỉnh Thanh Hóa |
| 6 | Trung tâm chăm sóc, nuôi dưỡng người có công Thanh Hóa | Xe ô tô 16 chỗ | 1 | Phục vụ đưa đón đối tượng người có công | Quyết định số 594 TC/UBTH ngày 29/4/1993 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa |
| 7 | Cơ sở cai nghiện ma túy số 2 Thanh Hóa | Xe ô tô 16 chỗ | 1 | Phục vụ đưa, đón học viên cai nghiện | Quyết định số 3458/QĐ-UBND ngày 09/9/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa |
| 8 | Trung tâm Chăm sóc, phục hồi chức năng cho người tâm thần, người rối nhiễu tâm trí khu vực Miền núi Thanh Hóa | Xe ô tô 16 chỗ | 1 | Phục vụ đưa, đón đối tượng bảo trợ xã hội, chở dụng cụ chăm sóc đối tượng tâm thần | Quyết định số 3958/QĐ-UBND ngày 08/10/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa |
| **B** | **CẤP HUYỆN** |  | **29** |  |  |
| **1** | **Thành phố Thanh Hóa** |  |  |  |  |
| **-** | Ban quản lý di tích lịch sử văn hóa Hàm Rồng | Xe ô tô bán tải | 1 | Thực hiện nhiệm vụ phòng chống cháy rừng | Khoản 6 Điều 2 Quyết định số 1997/QĐ-UBND ngày 13/06/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa |
| - | Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp thành phố Thanh Hóa | Xe ô tô bán tải | 1 | Thực hiện nhiệm vụ về phòng chống dịch bệnh trong nông nghiệp | Quyết định số 2999/QĐ-UBND ngày 26/07/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa |
| **2** | **Thành phố Sầm Sơn** |  |  |  |  |
| - | Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp thành phố Sầm Sơn | Xe ô tô bán tải | 1 | Thực hiện nhiệm vụ về phòng chống dịch bệnh trong nông nghiệp | Quyết định số 3000/QĐ-UBND ngày 26/07/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa |
| - | Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch | Xe ô tô bán tải | 1 | Thực hiện nhiệm vụ phòng chống cháy rừng | điểm a, mục 2.1 khoản 2 Điều 1, Quyết định số 2977/QĐ-UBND ngày 22/08/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa |
| **3** | **Thị xã Bỉm Sơn** |  |  |  |  |
| - | Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp thị xã Bỉm Sơn | Xe ô tô bán tải | 1 | Thực hiện nhiệm vụ về phòng chống dịch bệnh trong nông nghiệp | Quyết định số 2997/QĐ-UBND ngày 26/07/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa |
| **4** | **Huyện Bá Thước** |  |  |  |  |
| - | Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện Bá Thước | Xe ô tô bán tải | 1 | Thực hiện nhiệm vụ về phòng chống dịch bệnh trong nông nghiệp | Quyết định số 3006/QĐ-UBND ngày 26/07/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa |
| **5** | **Huyện Cẩm Thủy** |  |  |  |  |
| - | Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện Cẩm Thủy | Xe ô tô bán tải | 1 | Thực hiện nhiệm vụ về phòng chống dịch bệnh trong nông nghiệp | Quyết định số 2981/QĐ-UBND ngày 26/07/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa |
| **6** | **Huyện Hà Trung** |  |  |  |  |
| - | Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện Hà Trung | Xe ô tô bán tải | 1 | Thực hiện nhiệm vụ về phòng chống dịch bệnh trong nông nghiệp | Quyết định số 3005/QĐ-UBND ngày 26/07/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa |
| **7** | **Huyện Hoàng Hóa** |  |  |  |  |
| - | Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện Hoàng Hóa | Xe ô tô bán tải | 1 | Thực hiện nhiệm vụ về phòng chống dịch bệnh trong nông nghiệp | Quyết định số 2988/QĐ-UBND ngày 26/07/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa |
| **8** | **Huyện Hậu Lộc** |  |  |  |  |
| - | Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện Hậu Lộc | Xe ô tô bán tải | 1 | Thực hiện nhiệm vụ về phòng chống dịch bệnh trong nông nghiệp | Quyết định số 3007/QĐ-UBND ngày 26/07/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa |
| **9** | **Huyện Lang Chánh** |  |  |  |  |
| - | Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện Lang Chánh | Xe ô tô bán tải | 1 | Thực hiện nhiệm vụ về phòng chống dịch bệnh trong nông nghiệp | Quyết định số 2990/QĐ-UBND ngày 26/07/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa |
| **10** | **Huyện Mường Lát** |  |  |  |  |
| - | Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện Mường Lát | Xe ô tô bán tải | 1 | Thực hiện nhiệm vụ về phòng chống dịch bệnh trong nông nghiệp | Quyết định số 3004/QĐ-UBND ngày 26/07/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa |
| **11** | **Huyện Nga Sơn** |  |  |  |  |
| - | Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện Nga Sơn | Xe ô tô bán tải | 1 | Thực hiện nhiệm vụ về phòng chống dịch bệnh trong nông nghiệp | Quyết định số 2986/QĐ-UBND ngày 26/07/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa |
| **12** | **Huyện Ngọc Lặc** |  |  |  |  |
| - | Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện Ngọc Lặc | Xe ô tô bán tải | 1 | Thực hiện nhiệm vụ về phòng chống dịch bệnh trong nông nghiệp | Quyết định số 2987/QĐ-UBND ngày 26/07/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa |
| **13** | **Huyện Như Thanh** |  |  |  |  |
| - | Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện Như Thanh | Xe ô tô bán tải | 1 | Thực hiện nhiệm vụ về phòng chống dịch bệnh trong nông nghiệp | Quyết định số 2984/QĐ-UBND ngày 26/07/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa |
| **14** | **Huyện Như Xuân** |  |  |  |  |
| - | Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện Như Xuân | Xe ô tô bán tải | 1 | Thực hiện nhiệm vụ về phòng chống dịch bệnh trong nông nghiệp | Quyết định số 2983/QĐ-UBND ngày 26/07/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa |
| **15** | **Huyện Nông Cống** |  |  |  |  |
| - | Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện Nông Cống | Xe ô tô bán tải | 1 | Thực hiện nhiệm vụ về phòng chống dịch bệnh trong nông nghiệp | Quyết định số 2985/QĐ-UBND ngày 26/07/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa |
| **16** | **Huyện Quan Hóa** |  |  |  |  |
| - | Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện Quan Hóa | Xe ô tô bán tải | 1 | Thực hiện nhiệm vụ về phòng chống dịch bệnh trong nông nghiệp | Quyết định số 2982/QĐ-UBND ngày 26/07/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa |
| **17** | **Huyện Quan Sơn** |  |  |  |  |
| - | Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện Quan Sơn | Xe ô tô bán tải | 1 | Thực hiện nhiệm vụ về phòng chống dịch bệnh trong nông nghiệp | Quyết định số 3003/QĐ-UBND ngày 26/07/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa |
| **18** | **Huyện Quảng Xương** |  |  |  |  |
| - | Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện Quảng Xương | Xe ô tô bán tải | 1 | Thực hiện nhiệm vụ về phòng chống dịch bệnh trong nông nghiệp | Quyết định số 3002/QĐ-UBND ngày 26/07/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa |
| **19** | **Huyện Quan Hóa** |  |  |  |  |
| - | Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện Thiệu Hóa | Xe ô tô bán tải | 1 | Thực hiện nhiệm vụ về phòng chống dịch bệnh trong nông nghiệp | Quyết định số 2995/QĐ-UBND ngày 26/07/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa |
| **20** | **Huyện Thường Xuân** |  |  |  |  |
| - | Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện Thường Xuân | Xe ô tô bán tải | 1 | Thực hiện nhiệm vụ về phòng chống dịch bệnh trong nông nghiệp | Quyết định số 2994/QĐ-UBND ngày 26/07/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa |
| **21** | **Huyện Thạch Thành** |  |  |  |  |
| - | Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện Thạch Thành | Xe ô tô bán tải | 1 | Thực hiện nhiệm vụ về phòng chống dịch bệnh trong nông nghiệp | Quyết định số 2996/QĐ-UBND ngày 26/07/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa |
| **22** | **Huyện Thọ Xuân** |  |  |  |  |
| - | Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện Thọ Xuân | Xe ô tô bán tải | 1 | Thực hiện nhiệm vụ về phòng chống dịch bệnh trong nông nghiệp | Quyết định số 2998/QĐ-UBND ngày 26/07/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa |
| **23** | **Huyện Triệu Sơn** |  |  |  |  |
| - | Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện Triệu Sơn | Xe ô tô bán tải | 1 | Thực hiện nhiệm vụ về phòng chống dịch bệnh trong nông nghiệp | Quyết định số 2992/QĐ-UBND ngày 26/07/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa |
| **24** | **Thị xã Nghi Sơn** |  |  |  |  |
| - | Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp thị xã Nghi Sơn | Xe ô tô bán tải | 1 | Thực hiện nhiệm vụ về phòng chống dịch bệnh trong nông nghiệp | Quyết định số 3001/QĐ-UBND ngày 26/07/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa |
| **25** | **Huyện Vĩnh Lộc** |  |  |  |  |
| - | Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện Vĩnh Lộc | Xe ô tô bán tải | 1 | Thực hiện nhiệm vụ về phòng chống dịch bệnh trong nông nghiệp | Quyết định số 2991/QĐ-UBND ngày 26/07/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa |
| **26** | **Huyện Yên Định** |  |  |  |  |
| - | Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện Yên Định | Xe ô tô bán tải | 1 | Thực hiện nhiệm vụ về phòng chống dịch bệnh trong nông nghiệp | Quyết định số 2993/QĐ-UBND ngày 26/07/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa |
| **27** | **Huyện Đông Sơn** |  |  |  |  |
| - | Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện Đông Sơn | Xe ô tô bán tải | 1 | Thực hiện nhiệm vụ về phòng chống dịch bệnh trong nông nghiệp | Quyết định số 2989/QĐ-UBND ngày 26/07/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa |